

Số: /NQ-HĐND

Chiềng Khương, ngày 24 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ CHIỀNG KHƯƠNG
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 590/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 3193/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Sơn La Về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 22/7/2025 của Đảng bộ xã Chiềng Khương, nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ xã Chiềng Khương lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

Xét Tờ trình số 177/TTr-UBND ngày 19/12/2025 của UBND xã Chiềng Khương; Báo cáo thẩm tra số 14/BC-BKTNS ngày 22/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách xã; tổng hợp ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, với các nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

1. Mục tiêu

Tiếp tục khai thác hợp lý có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của xã. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để từng bước hoàn thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, gắn với tập trung xây dựng nông thôn mới. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật hiện đại vào sản xuất để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Cải thiện đời sống nhân dân đi đôi với giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030

2.1. Đến năm 2030, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn xã đạt 10.790 triệu đồng.

2.2. Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng cho cả nam và nữ) đạt trên 75%.

2.3. Đến năm 2030, diện tích sản xuất nông nghiệp 6.635ha (*trong đó: cây lương thực có hạt 2.734,4ha; cây có củ lấy bột 440.8ha; cây ăn quả 1.243,74ha; cây công nghiệp 71,1ha; cây rau màu ngắn ngày 95ha*). Tổng đàn gia súc, gia cầm các loại 188.210 con (*trong đó: trâu 1.120 con; bò 6.080 con; dê 3.910 con; lợn 12.100 con; gia cầm 165.000 con*).

2.4. Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng ổn định (bao gồm cả diện tích cây thân gỗ trên đất dốc, cây phân tán quy đổi) đạt 41,1%.

2.5. Phấn đấu đăng ký và thành lập mới 01 doanh nghiệp (tư nhân) và 01 hợp tác xã trở lên.

2.6. Đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 50,0 triệu đồng/người/năm.

2.7. Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ 100% các trường học đạt chuẩn quốc gia, duy trì 01 trường đạt chuẩn mức độ 2.

2.8. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã giảm dưới 4%.

2.9. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90%.

2.10. Đến năm 2030, 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được số hóa.

2.11. Đến năm 2030, tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt được xử lý hợp vệ sinh trên 90%.

2.12. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 75%.

2.13. Đến năm 2030, 100% nhà văn hóa bản đạt chuẩn theo quy định.

2.14. Đến năm 2030, 100% cơ quan, trường học, trạm y tế đạt tiêu chuẩn không có ma túy; 90% bản đạt tiêu chuẩn không có ma túy.

2.15. Đến năm 2030, 100% cơ quan, trường học, trạm y tế đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT; 90% bản đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT.

2.16. Đến năm 2030, 100% số bản có băng thông rộng cố định.

2.17. Phấn đấu đến năm 2028, đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2030 có 08 bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2.18. Đến năm 2030, ngân sách nhà nước cho Khoa học, công nghệ đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số từ 2%/năm.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về kinh tế

1.1. Công tác quy hoạch - kế hoạch

- Trình Sở Xây dựng, UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch chung xã Chiềng Khương đến năm 2045. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch và trật tự xây

dựng trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư công và dự toán ngân sách hàng năm đảm bảo, kịp thời, phù hợp với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

1.2. Về sản xuất nông lâm nghiệp và phát triển nông thôn

Tập trung chỉ đạo triển khai các nội dung trọng tâm như sau:

- Sản xuất lương thực, thực phẩm theo quan điểm sản xuất hàng hóa. Phát triển nhân rộng các mô hình sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chuyển đổi diện tích trồng cây lương thực trên đất dốc kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả và các cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao. Đến năm 2030 duy trì và ổn định trên 1.600 ha diện tích cây ăn quả.

- Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, quy trình canh tác tiên tiến và các giống mới cho năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh vào sản xuất. Quản lý chất lượng vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, tuyên truyền hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn gắn với bảo vệ môi trường, xúc tiến tiêu thụ nông sản. Xây dựng và nhân rộng mô hình chuỗi sản xuất, cung ứng thực phẩm, nông, lâm, thủy sản an toàn.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng dần tỷ trọng chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp. Chủ động xây dựng các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Đến năm 2030 phát triển đại gia súc đạt 39.042 con.

- Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng, chú trọng phát triển lâm sản ngoài gỗ nâng độ che phủ của rừng lên 41,1%.

- Khai thác bền vững, hiệu quả diện tích nuôi trồng thủy sản. Phân đầu đến năm 2030 có 20 ha ao hồ nuôi trồng thủy sản, đưa sản lượng thủy sản đạt 21,8 tấn.

- Tiếp tục tuyên truyền, thực hiện phong trào thi đua “*Chung sức xây dựng nông thôn mới*” và cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” gắn với xây dựng nông thôn mới nâng cao. Đến năm 2028 phấn đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; tiếp tục đẩy mạnh chủ trương “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ” trong đầu tư hạ tầng nông thôn.

- Làm tốt công tác khuyến nông, khuyến công, tăng cường chuyển giao và ứng dụng khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn.

1.3. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp chế biến trên địa bàn xã.

1.4. Phát triển thương mại, dịch vụ

- Tập trung quản lý và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ chủ yếu như: thương mại, vận tải, bưu chính viễn thông... Đẩy mạnh tiến độ lưu thông hàng hoá trên thị trường. Chú trọng khai thác thị trường nông thôn. Khuyến khích phát triển mạng lưới tiêu thụ hàng hoá ở vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích các thành phần kinh tế tăng cường ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Quản lý tốt việc khai thác chợ dân sinh.

- Tăng cường công tác kiểm soát, quản lý giá cả thị trường, kiểm chế lạm phát; kiểm tra, giám sát việc đăng ký, kê khai, niêm yết giá theo quy định; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu hàng giả, kém chất lượng.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các loại cây ăn quả, kết nối đưa các HTX sản xuất cây ăn quả tham gia các hội chợ, lễ hội về cây ăn quả do tỉnh tổ chức, đưa sản phẩm vào các siêu thị, trung tâm thương mại, hướng tới phục vụ xuất khẩu.

1.5. Tài chính - Ngân hàng

- Thu ngân sách: Tăng cường các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, chống gian lận thương mại, trốn thuế; quản lý và khai thác tốt các nguồn thu. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn tới năm 2030 đạt 10.790 triệu đồng.

- Chi ngân sách: Đảm bảo đúng Luật, tập trung bố trí ngân sách để phục vụ tốt nhu cầu tăng trưởng kinh tế. Đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương; thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn ngân sách, ưu tiên bố trí ngân sách cho chính sách phòng chống ma túy, các chính sách an sinh xã hội.

- Ngân hàng: Phối hợp với các ngân hàng khu vực đẩy mạnh việc huy động và cho vay thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn; tập trung ưu tiên vốn tín dụng phục vụ cho đầu tư xây dựng, phát triển sản xuất kinh doanh, khu vực nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức kinh tế trên địa bàn xã.

1.6. Đầu tư phát triển

- Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư, phấn đấu huy động vốn đầu tư toàn xã hội năm 2026 - 2030 đạt khoảng 600 tỷ đồng. Chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn Nhà nước thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật xây dựng, Luật đấu thầu và các văn bản khác có liên quan. Ưu tiên thanh toán nợ đọng XDCB nếu có, sau đó bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp đảm bảo đúng tiến độ theo quy định; chỉ khởi công mới những dự án thực sự cấp thiết khi đảm bảo khả năng cân đối vốn. Các dự án khởi công mới sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong từng ngành, lĩnh vực, theo từng chương trình, nguồn vốn. Ưu tiên vốn đầu tư phát triển đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các bản vùng sâu, vùng xa, bản đặc biệt khó khăn. Tập trung đầu tư xây dựng các công trình như: Đường giao thông liên bản, nội bản, thủy lợi, nước sinh hoạt, trường lớp học, điện và các công trình công cộng....

- Đẩy nhanh giải ngân thanh toán các nguồn vốn, hạn chế tối đa việc chuyển nguồn và không để vốn hết hạn giải ngân thanh toán.

1.7. Phát triển doanh nghiệp và kinh tế tập thể

Tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Khuyến khích thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động ngành nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Đến năm 2030 phấn đấu thành lập thêm 01 đến 04 doanh nghiệp, hợp tác xã; Thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX, tổ trưởng tổ hợp tác; hỗ trợ hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã trên địa bàn.

1.8. Tài nguyên - Môi trường

Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai. Quản lý, khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và cân bằng hệ sinh thái. Tập trung bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, từng bước khôi phục tài nguyên rừng. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao nhận thức về môi trường. Quản lý các dự án khai thác khoáng sản theo đúng quy hoạch và quyết định được phê duyệt.

2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Về giáo dục - đào tạo: Tiếp tục nâng cao chất lượng Giáo dục & Đào tạo một cách toàn diện ở tất cả các cấp học, bậc học. Duy trì kết quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Thực hiện kịp thời các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh. Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào "Xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp và an toàn".

2.2. Về văn hoá - Thể thao: Tiếp tục đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao trong toàn xã. Thực hiện tốt phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá "và Cuộc vận động "Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại". Tổ chức tốt các giải thi đấu thể thao theo kế hoạch và tham gia các giải do tỉnh tổ chức. Duy trì các đội văn nghệ trong toàn xã hoạt động có hiệu quả. Phấn đấu năm 2030 có 85% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá.

2.3. Thông tin - Truyền thông: Tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, truyền thông. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời chủ trương của Đảng, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt về các chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn như: Chương trình xây dựng nông thôn mới, phòng chống ma túy... Nâng cao chất lượng, mở rộng các loại hình dịch vụ bưu chính viễn thông. Tỷ lệ hộ gia đình xem được Truyền hình Việt Nam 100%, tỷ lệ hộ gia đình nghe được đài Tiếng nói Việt Nam 100%.

2.4. Công tác dân số, y tế và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường thực hiện các chương trình y tế quốc gia, chủ động phòng chống dịch bệnh, giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm, bệnh mãn tính; tăng cường các biện pháp kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm. Quản lý chặt chẽ các hoạt động khám chữa bệnh của các cơ sở y tế tư nhân, hành nghề được.

- Thực hiện tốt chính sách dân số, KHHGĐ, phấn đấu đạt chỉ tiêu giảm sinh và ngăn ngừa mất cân bằng giới tính. Nâng cao chất lượng, tuyên truyền và cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực dân số gắn với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và KHHGĐ, nhất là với đối tượng vị thành niên, thanh niên và người dân ở vùng sâu, vùng xa. Phấn đấu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi xuống 16,3%.

2.5. Về công tác an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và giải quyết các vấn đề xã hội

- Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, công tác chăm sóc đời sống người có công với cách mạng và các đối tượng xã hội khác, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có tinh thần vượt khó.

- Đẩy mạnh công tác giảm nghèo, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Thực hiện nhiều biện pháp chính sách để hỗ trợ mọi người dân phát triển sản xuất để thoát nghèo. Hỗ trợ người dân vùng bị thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh khắc phục khó khăn, khôi phục sản xuất và ổn định cuộc sống, tạo điều kiện cho hộ nghèo vay vốn với lãi suất ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất. Phấn đấu đến năm 2030 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025.

- Đẩy mạnh công tác phòng, chống ma túy, trong đó tập trung vào công tác quản lý đối tượng sau cai nghiện, triệt phá các tụ điểm tệ nạn ma túy, đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống ma túy tại các bản và các địa bàn trọng điểm. Thực hiện tốt công tác xóa bỏ các diện tích trồng cây thuốc phiện gắn với hỗ trợ phát triển kinh tế, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

2.6. Về khoa học công nghệ

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ đời sống và phát triển sản xuất. Lựa chọn các loại giống cây trồng, con nuôi có năng suất chất lượng phù hợp với điều kiện thực tế của xã để đưa vào sản xuất.

3. Công tác cải cách hành chính, tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền, phòng chống tham nhũng, lãng phí và các công tác khác.

- Thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Thực hiện công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, phổ biến rộng rãi và niêm yết công khai tại công sở về quy chế, quy trình và danh mục các thủ tục hành chính. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn hóa cán bộ công chức trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp. Tiếp tục ứng dụng hệ thống quản lý văn bản qua hệ thống thông tin điện tử tại các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Thực hiện cải cách chế độ công vụ, quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức sự nghiệp. Thực hiện nghiêm có chất lượng việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND xã, các cơ quan đơn vị để nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng cán bộ công chức.

- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Thực hiện tốt cơ chế tự chủ theo Nghị định 130/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về chế độ tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường quản lý việc kê khai, minh bạch tài sản của cán bộ, công chức. Thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức. Thực hiện

chủ trương phân cấp gắn với quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị, nhất là đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng.

4. Về quốc phòng, an ninh

Thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng. Duy trì thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, luyện tập, xây dựng củng cố lực lượng DQTV. Tăng cường quản lý và bảo vệ vững chắc an ninh với sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tổ chức nắm bắt tình hình, phát hiện và đấu tranh ngăn ngừa mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Tập trung đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm nhất là tội phạm về ma túy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết. Trình UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 xã Chiềng Khương.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND xã, các tổ đại biểu HĐND, các vị đại biểu HĐND xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. HĐND xã kêu gọi nhân dân các dân tộc, chiến sỹ các lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức, viên chức nêu cao tinh thần yêu nước, đoàn kết, huy động mọi nguồn lực, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện khoá XXI, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 24/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã khoá XXI;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT (65 bản)

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thiện